TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 10/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

Bà La Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/HSST ngày 27 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: Hai X), sinh năm: 1992 tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Tổ C, khu phố E, phường L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H (Đã chết) và bà Ngô Thị S (Đã chết); Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 19/4/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 33/2021/HS - ST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2023.

Bị bắt ngày: 04/12/2023.

"Bị cáo có mặt".

2. Nguyễn Văn G, sinh năm: 2000 tại K;

Nơi cư trú: Tổ A, Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

Văn B, sinh năm: 1965 và bà Trịnh Thị T1, sinh năm: 1968; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1993, có 01 con sinh ngày 23/11/2021;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 48/2016/HSST ngày 30/6/2016 (đã nộp án phí). Giàu phạm tội khi chưa thành niên nên được coi là không có án tích.

Bị cáo được tại ngoại: Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

"Bị cáo có mặt"

- *Bị hại*:

+ Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm: 1986 "Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

+ Ông Trương Văn V, sinh năm: 1985 "Vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũn Tàu.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1994 "Vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người làm chứng*:

+ Bà Đào Thị T2, sinh năm 1993 "Vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1993 "Có mặt".

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ, ngày 02/12/2023 Nguyễn Hữu T do thiếu tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản, T đến cổng chợ B1 thấy bà Nguyễn Thị Bích D để 01 xe mô tô SIRIUS F1, biển số 72G1 - 41125, trên xe cắm sẵn chìa khóa, cách chỗ bà D 5m. Thân đến xin bà D một thìa nhựa, lợi dụng bà D không để ý, T đến dắt xe máy ra một đoạn rồi nổ máy chạy xe về thị trấn L, huyện L gặp một người tên T3 (chưa rõ lai lịch) nhờ tìm người mua xe. T3 giới thiệu Nguyễn Văn G, địa chỉ khu phố H, xã L, thị trấn L. Sau đó, T đến gặp G hỏi bán xe mô tô 72G1 - 41125 giá 2.500.000 đồng, G thấy giá rẻ nên đồng ý mua, tiền bán xe trộm cắp Thân tiêu xài cá nhân hết. Tiếp đến, khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi bộ trên đường nông thôn thuộc ấp B, xã B, thấy trong sân nhà ông Trương Văn V, dựng 01 xe mô tô SIRIUS, biển số 72G1-320.42, trên xe cắm sẵn chìa, cửa cổng không khóa nên Thân lén lút đi vào nổ máy xe chạy về L, thuê nhà nghỉ (không rõ địa chỉ). Đến khoảng 6 giờ ngày 03/12/2023, T tiếp tục tới gặp G hỏi bán xe, lúc này G hỏi: "xe đâu mà bán hoài vậy", T trả lời: "xe do trộm cắp nên có", lúc này G biết rõ tài sản trộm cắp nhưng thấy rẻ nên đồng ý mua giá 1.500.000 đồng. Sau khi

bán, T bắt xe khách về lại nhà nghỉ "TR". Ngày 04/12/2023, bị hại bà D và ông V, đến Cơ quan chức năng trình báo sự việc, qua điều tra xác minh, Cơ quan điều tra mời Nguyễn Hữu T lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn G khai nhận hành vi của mình như trên.

Kết luận định giá tài sản số 108/KL - HĐĐG và 109/KL-HĐĐG ngày08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thờiđiểm xảy ra vụ án trên địa bàn, 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen,biển số: 72G1- 411.25 được định giá là: 8.608.500 đồng, 01 xe máy hiệu YamahaSirius F1, màu đỏ đen, biển số: 72G1- 320.42 được định giá 7.900.000 đồng. Tổnggiá trị thiệt hại: 16.508.500 đồng.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

Sau khi thu giữ 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, biển số:72G1- 411.25, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích D.

+ 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, biển số: 72G1-320.42, quaxác minh xe mô tô trên của bà Nguyễn Thị C đứng tên chủ sở hữu. Tháng6/2019, bà C bán xe cho ông Trương Văn V giá 10.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông ông Trương Văn V.

+ Đối với 2.500.000 đồng là số tiền G mua xe mô tô 72G1- 411.25 từThân, G không biết là tài sản do trộm cắp mà có, qua làm việc, G không yêu cầu T bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại bà Nguyễn Thị Bích D và ông Trương Văn V sau khi nhận lạitài sản không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS - XM ngày 26 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và bị cáo Nguyễn Văn G về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm i điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn G từ 08 (T4) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 1.500.000đ bị cáo T bán xe cho bị cáo G, số tiền này do bị cáo T phạm tội mà có nên đề nghị truy thu sung vào công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn G nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Khoảng 05 giờ ngày 02/12/2023, tại cổng chợ B1, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bị cáo Nguyễn Hữu T đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị Bích D 01 xe máy hiệu Sirius F1, màu đỏ đen biển số 72G1- 41125. Tiếp đến khoảng 14 giờ cùng ngày tại ấp B, xã B, huyện X bị cáo tiếp tục lén lút trộm cắp của ông Trương Văn V 01 xe máy hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển số 72G1 – 320.42.

Kết luận định giá tài sản số 108/KL - HĐĐG và 109/KL - HĐĐG ngày08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tại thờiđiểm xảy ra vụ án trên địa bàn, 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen,biển số: 72G1- 411.25 được định giá là: 8.608.500 đồng, 01 xe máy hiệu YamahaSirius F1, màu đỏ đen, biển số: 72G1- 320.42 được định giá 7.900.000 đồng. Tổnggiá trị thiệt hại: 16.508.500 đồng.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 02/12/2023 bị cáo T đến gặp bị cáo G hỏi bán xe mô tô biển số 72G1-41125 giá 2.500.000đ, do thấy rẻ nên bị cáo G đồng ý mua, không biết xe do bị cáo T trộm cắp mà có. Khoảng 06 giờ ngày 03/12/2023, bị cáo T tiếp tục tới gặp bị cáo G hỏi bán xe biển số 72G1 – 320.42, lúc này bị cáo G biết rõ là xe do bị cáo T trộm cắp mà có nhưng bị cáo G vẫn đồng ý mua với giá 1.500.000đ.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Giàu có đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ đó, cho thấy bản cáo trạng số 26/CT – VKS – XM ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn G về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không phải lao động, nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo G đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo T từng bị Tòa án xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án tích lại phạm tội cố ý nên lần phạm tội này được xem là tái phạm; bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo Giàu có nhân thân xấu. Các bị cáo không lấy đó làm bài học sửa đổi bản thân lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo G.

[4] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Nguyễn Hữu T có 02 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn G không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Riêng bị cáo G còn có thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng được địa phương xác nhận, nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

+ Sau khi thu giữ 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, biển số:72G1- 411.25, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích D.

+ 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius F1, màu đỏ đen, biển số: 72G1-320.42, quaxác minh xe mô tô trên của bà Nguyễn Thị C đứng tên chủ sở hữu. Tháng6/2019, bà C bán xe cho ông Trương Văn V giá 10.000.000 đồng nên không có yêu cầu gì. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại ông Trương Văn V, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 1.500.000đ bị cáo T bán xe cho bị cáo G do phạm tội mà có nên cần truy thu sung vào công quỹ Nhà nước.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với người tên T3 chưa rõ lai lịch, bị cáo T khai là người giới thiệu bị cáo G mua xe nhưng khi làm việc bị cáo G không biết họ tên địa chỉ của T3 nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 2.500.000đ là tiền bị cáo G mua xe mô tô 72G1 – 411.25 từ bị cáo T, bị cáo G không biết là do tài sản trộm cắp mà có qua làm việc, bị cáo G không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đén vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 173, Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T (H) phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Nguyễn Văn G phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hữu T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/12/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn G 08 (T4) tháng tù. Tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu t phải nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn G mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
+ Phòng PC10.
+ Phòng PV06.
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo